

Bản án số: 26/2023/DSPT

Ngày 28/02/2023

V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

Và tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Lạc

Ông Đặng Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Tình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2023/TLPT - DS, ngày 03/02/2023 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản và tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2022/DS-ST ngày 07 tháng 07 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2023/QĐPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Lý Hồng L, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Thạch T, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường T, phường T, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông L và bà T là anh Lê Tấn Ph, sinh năm 1976 (giấy ủy quyền ngày 11/02/2023, có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: đường H, khóm B, thị trấn N, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:*

1. Bà Thạch L1, sinh năm 1973 (có mặt).
2. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1943 (vắng mặt).
3. Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1944 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông T1 và bà Ph là chị Lê Thị Thu Tr- sinh năm 1981 (giấy ủy quyền ngày 13/02/2023, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1 và bà Ph là ông Phạm Hoài Duy T2, Luật sư của Văn phòng luật sư Hồng A thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Hoàng M, sinh năm 1974 (có mặt).
2. Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1976 (có mặt).
3. Chị Lê Thị Thu Tr, sinh năm 1981(có mặt).
4. Ông Huỳnh Quốc V, sinh năm 1973 (có mặt).

Tất cả cùng địa chỉ: ấp T, xã P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Người kháng cáo : Bà Thạch T và ông Lý Hồng L là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thạch T và ông Lý Hồng L do anh Lê Tấn Ph1 đại diện trình bày: Năm 2009 ông Lý Hồng L và bà Thạch T có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tấn H diện tích 620m² thuộc thửa 412+411 và diện tích 3.970m² thuộc thửa 510, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long với giá 360.000.000đồng. Ông L, bà T đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh không đủ điều kiện đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên nhờ em ruột của bà T là bà Thạch L1 đứng tên dùm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 510 diện tích 3.970m² cho đến khi nào đủ điều kiện đứng tên thì bà L1 chuyển lại cho bà T, ông L. Ông L, bà T giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trực tiếp quản lý, sử dụng cải tạo đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm. Năm 2014 ông L, bà L1 xây dựng một căn nhà tường một trệt một lầu và sinh sống cho đến nay. Ngày 15/10/2019 ông L chuyển hộ khẩu thường trú về ấp T, xã P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long đủ điều kiện đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên yêu cầu bà L1 chuyển lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L nhưng bà L1 không thực hiện. Vụ việc được Ủy ban nhân dân xã P giải quyết nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thì phát sinh tranh chấp ranh giữa thửa đất 510 với thửa 439 + thửa 184 của hộ ông Lê Văn T1. Nguyên đơn ông L và bà T yêu cầu Tòa án công nhận cho nguyên đơn

được quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 510, diện tích 3.970m². Ông L, bà T đồng ý hỗ trợ bà Thạch L1 10.000.000đ. Yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 25,1m² tranh chấp ranh với thửa đất 184 và 37,1m² tranh chấp ranh với thửa đất 439 thuộc thửa 510 (thửa mới 174).

- *Tại đơn yêu cầu phản tố và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phía ông T1, bà Ph do người đại diện là chị Lê Thị Thu H trình bày:* Phần đất thửa 207 (thửa cũ 439) giáp với phần đất thuộc thửa 510, mặt ngoài giáp tỉnh lộ 903. Trong quá trình sử dụng đất ông T1 có đào một con mương chứa nước sinh hoạt và làm mương ranh giáp với bụi tre thuộc thửa đất 510 của nguyên đơn. Khi có chương trình đo Vlap năm 2014 các bên đã tranh chấp con mương nên chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất số 184 đầu trong giáp thửa đất 510 thì bà Thạch T đã xây dựng hàng rào lưới B40, đầu ngoài bà T dời cột ranh. Nay bị đơn yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất 25,1m² thuộc thửa đất số 184 và diện tích 37,1m² thuộc thửa đất số 439 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông Lê Văn T, bà Phạm Thị Ph.

- *Bị đơn bà Thạch L1 trình bày:* Vào năm 2009 bà Thạch T, ông Lý Hồng L có nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Tấn H, nhưng do ông L, bà T có hộ khẩu và sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh nên nhờ bà L1 đứng tên cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 510, diện tích 3970m², loại đất lúa, tọa lạc ấp T, xã P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Ông L, bà T là người giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông L, bà T kêu bà L1 cất nhà ở trên đất thuộc thửa đất khác của bà T giáp thửa 510 để trông coi vườn khoảng 8 năm thì bà T về xây dựng nhà ở. Bà L1 đồng ý chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T, ông L với điều kiện bà T, ông L hỗ trợ cho bà L1 số tiền 10.000.000đ. Đối với tranh chấp ranh giữa bà T, ông L với hộ ông T1 thì bà L1 không có ý kiến.

- *Anh Lê Hoàng M, chị Lê Thị Thu Tr và chị Lê Thị Thu H thống nhất ý kiến trình bày của bị đơn, không ý kiến gì khác.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2022/DS-ST ngày 07 tháng 07 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 147, 157, 165, 227, 228, 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 166 và Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100 và Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Hồng L, bà Thạch T:

- Công nhận ông Lý Hồng L và bà Thạch T được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng tách thửa 174-2 (510-2) có diện tích 3.818,1m² gồm các mốc (13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 27 và mốc 13), diện tích 25,1m² gồm các mốc 13, 27, 26 và mốc 13 và diện tích 13,8m² gồm các mốc (23, A, 26, 27 và 23) thuộc thửa đất số 174, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp T, xã P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phía bị đơn hộ ông Lê Văn T1:

- Công nhận hộ ông Lê Văn T1 tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 23,3m² gồm các mốc A, 24, 26, A, loại đất vườn thuộc thửa 207 (thửa cũ 439) diện tích theo đo đạc thực tế 893,3m² gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 26, 25, 24 và mốc số 1 tọa lạc ấp T, xã P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về việc ông Lý Hồng L, bà Thạch T trả bà Thạch L 10.000.000đ (mười triệu đồng), quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, chi phí tố tụng, án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/07/2022 nguyên đơn ông L và bà T kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm, công nhận ông Lý Hồng L và bà Thạch T phần đất diện tích 23,3m² đất vườn thuộc thửa đất số 174 tọa lạc ấp T, xã P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Buộc hộ ông Lê Văn T1 và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ph, anh M, chị H, chị Tr trả lại cho ông L, bà T phần đất diện tích 23,3m².

Tại phiên tòa phúc thẩm; người đại diện hợp pháp của ông L, bà T giữ nguyên kháng cáo yêu cầu công nhận cho ông L, bà T được quyền sử dụng hợp pháp phần đất vườn diện tích 23,3m² thuộc thửa đất số 174, lý do đất của ông T1, bà Ph tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo trích lục thửa đất xác định chiều ngang thửa đất giáp kinh dài 12m.

Người đại diện hợp pháp của ông T1, bà Ph không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông L và bà T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm, nguyên đơn phải nộp án phí phúc thẩm.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T và bà Ph như sau: Quyền sử dụng đất vẫn do bà L1 đứng tên có chiều ngang thửa đất giáp kinh dài 10m nên bị đơn không có lấn đất nguyên đơn. Kết luận của cơ quan chuyên môn xác định phần đất tranh chấp thuộc hai thửa 510 và thửa 439 nên tòa án cấp sơ thẩm đã chia hai phần đất tranh chấp 13,8 m² thuộc thửa 510 của nguyên đơn và 23,3 m² là của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định :

[1] *Về tố tụng:* Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của ông L và bà T còn trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung:* Năm 2009 ông L, bà T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tấn H thuộc thửa đất số 510 (thửa mới 174), diện tích 3.970m², loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất này do ông L, bà T đang quản lý, sử dụng đất nhưng bà Thạch L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện Mang Thít cấp ngày 24/6/2010. Giáp với thửa đất 510 là thửa đất số 439 (thửa mới 207) diện tích 640m² do hộ ông Lê Văn T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện Mang Thít cấp ngày 20/03/2001.

[3] Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/6/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mang Thít xác định phần đất tranh chấp có diện tích 37,1m² nằm giữa thửa 510 với 439, do nguyên đơn và bị đơn xác định ranh với các chủ sử dụng tứ cận nên không thể xác định được phần đất 37,1m² thuộc thửa đất nào. Xét nguồn gốc thửa đất 510 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 3.970 m² là do ông L, bà T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Tấn H do UBND huyện Mang Thít cấp cho bà Thạch L1 đứng tên ngày 24/6/2010 có cạnh giáp kinh dài 10m, theo sự chỉ ranh của bị đơn dài 9,51m bị giảm hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 0,49m, theo sự chỉ ranh

của nguyên đơn dài 12,01m là tăng hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2,01m. Do vậy bản án sơ thẩm chia hai phần đất tranh chấp, nguyên đơn được quyền sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích 13,8 m² là đủ cạnh giáp kinh dài 10m của thửa 510, bị đơn được quyền sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích 23,3 m² là phù hợp pháp luật. Nguyên đơn cho rằng theo trích lục bản đồ địa chính ngày 27/06/2019 thì thửa đất 510 (thửa mới 174) có cạnh giáp kinh dài 12,01m là không phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Mang Thít cấp cho bà Thạch L1 đứng tên ngày 24/6/2010 có cạnh giáp kinh dài 10m nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Do vậy Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận kháng cáo nguyên đơn ông L, bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về việc ông Lý Hồng L, bà Thạch T trả bà Thạch L1 10.000.000đ (mười triệu đồng). Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc: Ông Lý Hồng L, bà Thạch T nộp 5.724.000đ (năm triệu bảy trăm hai mươi bốn ngàn đồng) đã nộp xong. Hộ ông Lê Văn T1 nộp 3.524.000đ (ba triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn đồng) đã nộp xong. Về án phí: Buộc ông Lý Hồng L, bà Thạch T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm được khấu tiền số tiền nộp tạm ứng 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002756 ngày 22/4/2020 và 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền nộp tạm ứng 1.194.000đ theo lai thu số 0006647 ngày 17/12/2020; Hoàn trả cho ông Lý Hồng L, bà Thạch T số tiền 694.000đ (sáu trăm chín mươi bốn ngàn đồng); Miễn án phí sơ thẩm cho ông Lê Văn T1 và bà Phạm Thị Ph không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Hồng L và bà Thạch T.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 07 tháng 07 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 147, 157, 165, 227, 228, 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 166 và Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100 và Điều 166 của Luật đất đai năm 2013, điểm đ khoản 1

Điều 12, khoản 2 Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Hồng L và bà Thạch T.

Công nhận ông Lý Hồng L và bà Thạch T được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 3.818,1m², loại đất lúa, gồm các mốc (13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 28, 27,13) thuộc tách thửa 174-3 (510-3). Diện tích 25,1m² gồm các mốc 13, 27, 26,13 và diện tích 13,8m², loại đất lúa, gồm các mốc (23, A, 26, 27, 23) thuộc thửa đất số (174-2(510-2))-2, tờ bản đồ số 21 (11), tọa lạc ấp T, xã P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/6/2021 của Phòng tài nguyên và Môi trường huyện Mang Thít, kèm theo bản án).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn hộ ông Lê Văn T1:

Công nhận hộ ông Lê Văn T1 tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích đất 23,3m² gồm các mốc A, 24, 26, A, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 207-2 (439-2))-1, diện tích theo đo đạc thực tế 893,3m² gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 26, 25, 24, 1 tọa lạc ấp T, xã P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/6/2021 của Phòng tài nguyên và Môi trường huyện Mang Thít, kèm theo bản án).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

3. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Lý Hồng L, bà Thạch T mỗi người phải nộp án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 600.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007281 và số 0007282 cùng ngày 18/07/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Ông Lý Hồng L, bà Thạch T đã nộp xong.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về việc ông Lý Hồng L, bà Thạch T trả bà Thạch L1 10.000.000đ (mười triệu đồng). Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc: Ông Lý Hồng L, bà Thạch T nộp 5.724.000đ (năm triệu bảy trăm hai mươi bốn ngàn đồng) đã nộp xong. Hộ ông Lê Văn T1 nộp 3.524.000đ (ba triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn đồng) đã nộp xong. Về án phí: Buộc ông Lý Hồng L, bà Thạch T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm được khấu tiền số tiền nộp tạm ứng 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002756 ngày 22/ 4 /2020 và 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền nộp tạm ứng 1.194.000đ theo lai thu số 0006647 ngày 17/12/2020; Hoàn trả cho ông Lý Hồng L, bà Thạch T số tiền 694.000đ (sáu trăm chín mươi bốn ngàn đồng); Miễn án phí cho ông Lê Văn T1 và bà Phạm Thị Ph không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Mang Thít;
- Chi Cục THADS huyện Mang Thít;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung